

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H

---***---

Bản án số: 57/2023/HSST

Ngày: 30/5/2023.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

*/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu H1.

*/ Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang T và bà Vũ Thị T1.

Đại diện VKSND huyện K: Bà Lê Thị T2 - KSV.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang V1- CBTA.

Hôm nay, ngày 30/5/2023, tại Trụ sở TAND huyện K mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2023/HSST, ngày 15 tháng 05 năm 2023 đối với bị cáo **Vũ Văn V**, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Không; Trú tại: thôn V2, xã H2, huyện K, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: lớp 7/12; Nghề Nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Vũ Văn Đ (Đã chết) và bà Vũ Thị G, sinh năm 1932. Anh chị em ruột: Có 06 người, bị cáo là con thứ 5; có vợ là Hoàng Thị N, SN 1978 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 46/2012/HSST ngày 26/6/2012, bị TAND huyện K, tỉnh H xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án bản án ngày 15/10/2014.

+ Tại bản án số 40/2016/HSST, ngày 21/7/2016, bị TAND huyện K, tỉnh H xử phạt 03 năm 03 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án bản án ngày 12/02/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (Có mặt tại phiên toà).

* **Người bị hại:** Anh Vũ Công N1, sinh năm 1980; Trú tại: thôn V2, xã H2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt tại phiên tòa).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1978; Trú tại: thôn Đ1, xã H2, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Bị cáo Vũ Văn V bị VKSND huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 19 giờ 30 ngày 10/02/2023, V đi bộ qua kho phế liệu nhà anh Vũ Công N1

ở cùng thôn, V quan sát thấy kho được khóa cửa ngoài, xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp đồng phế liệu trong kho để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. V đi vòng ra phía sau kho phế liệu, men theo tường bao của kho đến vị trí cuối kho giáp ruộng rau muống và đường Quốc lộ 39A có một tấm tôn bị bong ra khỏi tường bao. V dùng tay phải mở rộng tấm tôn ra rồi lách người qua khe hở và đi vào trong kho phế liệu. V dùng tay phải lấy 01 bao tải chứa có vỏ màu trắng bên trong in chữ nhiều màu đi về phía cửa kho. Khi đến giữa kho, V nhìn thấy một bao đồng đỏ phế liệu lớn nên dừng lại, tay trái cầm bao tải chứa đã lấy trước đó, tay phải bốc đồng phế liệu cho vào trong bao tải. Khi thấy bao tải đã nặng, V không bốc đồng phế liệu bỏ vào bao nữa mà vác bao đồng này đi ra khỏi kho theo lối vào ban đầu để đi ra Quốc lộ 39A. Sau đó, V mang bao tải chứa đồng phế liệu trên đến nhà bà Đỗ Thị T3 trú tại thôn Đ1, xã H2, huyện K làm nghề thu mua phế liệu, V nói với bà T3 là đồng phế liệu của gia đình, cân tịnh được 27 kg và bán cho bà T3 với số tiền 4.290.000đ. Số tiền này V đã chi tiêu cho bản thân hết. Sáng ngày 11/02/2023, bà T3 lại mang số đồng phế liệu đã mua của V bán cho anh N1 với số tiền 4.374.000đ. Ngày 11/02/2023, anh N1 phát hiện bị mất tài sản nên làm đơn trình báo đến Công an xã H2 và giao nộp lại 27 kg đồng đỏ phế liệu đã mua lại của bà T3 cho Công an xã H2. Cùng ngày, Công an xã H2 đã bàn giao toàn bộ vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết.

Ngày 11/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành rà soát và trích xuất file video hình ảnh V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại kho phế liệu nhà anh N1 và tiến hành cho V nhận diện hình ảnh mình trong file video. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K định giá đối với 27 kg đồng đỏ phế liệu và Trưng cầu giám định hình ảnh file video thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Trị giá 27 kg đồng đỏ phế liệu tại thời điểm định giá ngày 10/02/2023 là 4.302.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 39/KL-KTHS (KTS) ngày 31/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H kết luận: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video lưu trong USB gửi giám định.

Ngày 07/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành trả lại 27 kg đồng đỏ phế liệu cho anh N1. Anh N1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu V phải bồi thường trách nhiệm dân sự, không yêu cầu chị T3 hoàn trả số tiền 4.374.000đ. Chị T3 cũng không yêu cầu V bồi thường số tiền 4.290.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 61/QĐ-VKS- HS, ngày 12 tháng 5 năm 2023 của V kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Vũ Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên toà hôm nay:

[1.] Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện K giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ N1 quyết định truy tố đối với bị cáo V như tại bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS; Tuyên bố bị cáo V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị xử phạt bị cáo V từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 07/3/2023). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V; Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Truy thu của V số tiền 4.290.000đ bán tài sản trộm cắp mà có.

[2] Bị cáo V nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của đại diện V kiểm sát nhân dân huyện K, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

[3] Người bị hại là anh Vũ Công N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T3 đã được triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, V kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS: Quá trình điều tra bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với tất cả các tài liệu chứng cứ, vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của người bị hại là anh Vũ Công N1, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với hình ảnh camera được trích xuất. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/02/2023, tại kho phế liệu của gia đình anh Vũ Công N1 ở thôn Vân Nội, xã H2, huyện K, Vũ Văn V đã có hành vi trộm cắp 27 kg đồng đỏ phế liệu có trị giá là 4.302.000đ của anh N1. Vì vậy, V kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo V

theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 61/CT-VKSKC, ngày 12/5/2023 là có căn cứ.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng người bị hại là người quen có sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi nên đã cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2012 và năm 2016 bị cáo đều bị TAND huyện K kết án tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định của pháp luật thì bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét đề nghị của Đại diện V kiểm sát nhân dân tại phiên tòa về điều luật áp dụng thì thấy cần áp dụng thêm cho bị cáo V 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của BLHS. Đối với đề xuất về tội danh và mức hình phạt đối bị cáo V là phù hợp, có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công ăn việc làm, nghiện chất ma túy, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS là phạt tiền đối với bị cáo V.

Về Trách nhiệm dân sự: Anh N1 đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu V phải bồi thường trách nhiệm dân sự, không yêu cầu chị T3 hoàn trả số tiền 4.374.000đ. Chị T3 cũng không yêu cầu V bồi thường số tiền 4.290.000đ nên không đặt ra giải quyết trọng vụ án này.

Về biện pháp tư pháp: Số tiền 4.290.000đ bị cáo bán tài sản trộm cắp cho chị T3 mà có được sau đó chị T3 lại bán tài sản trên cho anh N1 được số tiền 4.374.000đ. Anh N1 không yêu cầu chị T3 phải trả lại số tiền 4.374.000đ, chị T3 cũng không yêu cầu gì đối với số tiền 4.290.000đ. Tuy nhiên, số tiền 4.290.000đ là tiền bị cáo bán tài

sản trộm cắp mà có được nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS để truy thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo V phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS .

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS. Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Vũ Văn V 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 07/03/2023.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Truy thu suy quỹ Nhà nước Số tiền 4.290.000đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) do bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS. Buộc bị cáo Vũ Văn V phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của BLTTHS. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2023). Người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- Bị cáo; Người liên quan;
- VKSND cùng cấp;
- CA huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H2;
- Lưu HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu H1

